

Số: 02/2026/TTLT-BCA-BQP-BTP-
VKSNĐTC-TANDTC

Hà Nội, ngày 01 tháng 5 năm 2026

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Quy định về trung cầu, yêu cầu giám định và đánh giá, sử dụng kết luận giám định tư pháp trong quá trình giải quyết vụ việc, vụ án hình sự

Căn cứ Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 02/2021/QH15, Luật số 34/2024/QH15, Luật số 59/2024/QH15 và Luật số 99/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giám định tư pháp số 105/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 87/2025/QH15;

Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao liên tịch ban hành Thông tư quy định về trung cầu, yêu cầu giám định và đánh giá, sử dụng kết luận giám định tư pháp trong quá trình giải quyết vụ việc, vụ án hình sự.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư liên tịch này quy định chi tiết điểm a khoản 1 Điều 8 Luật Giám định tư pháp về nguyên tắc, trách nhiệm, phân cấp, trường hợp trung cầu giám định, trình tự, thủ tục trung cầu, yêu cầu giám định và đánh giá, sử dụng kết luận giám định tư pháp trong quá trình giải quyết vụ việc, vụ án hình sự.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Người trung cầu giám định tư pháp, người yêu cầu giám định tư pháp theo quy định của pháp luật.
- Người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp, Hội đồng giám định tư pháp theo quy định của pháp luật.
- Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc trung cầu, yêu cầu giám định và đánh giá, sử dụng kết luận giám định tư pháp

1. Việc trung cầu, yêu cầu giám định phải bảo đảm:

a) Khách quan, có căn cứ, đúng đối tượng, trường hợp, thẩm quyền và thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Giám định tư pháp và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

b) Kịp thời ngay sau khi xác định, thu thập được đối tượng giám định nhằm tránh biến đổi, hư hỏng, mất mát các thông tin, đặc điểm có giá trị chứng minh trên đối tượng giám định và bảo đảm tiến độ giải quyết vụ việc, vụ án hình sự.

c) Đối tượng giám định phải được thu thập, bảo quản, niêm phong, vận chuyển, giao, nhận theo đúng quy định pháp luật; bảo đảm tính toàn vẹn, xác thực, liên tục của quá trình quản lý đối tượng giám định, thực hiện trung cầu, yêu cầu giám định, trừ trường hợp vì lý do khách quan cần tác động đến đối tượng giám định trong quá trình thực hiện trung cầu, yêu cầu giám định.

2. Việc đánh giá và sử dụng kết luận giám định tư pháp phải bảo đảm:

a) Tính chính xác, độc lập, khách quan của kết luận giám định.

b) Nội dung kết luận giám định phải phù hợp yêu cầu giám định và đối tượng giám định trong vụ việc, vụ án hình sự.

c) Chỉ sử dụng kết luận giám định khi bảo đảm tính có căn cứ, hợp pháp và phù hợp với diễn biến của vụ việc, vụ án hình sự.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ TRUNG CẦU GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

Điều 4. Phân cấp trung cầu giám định tư pháp

1. Đối với vụ việc, vụ án hình sự thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng ở trung ương thì có thể trung cầu tổ chức, người giám định tư pháp ở trung ương hoặc tổ chức, người giám định tư pháp ở địa phương hoặc tổ chức, người giám định tư pháp thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trụ sở tại địa phương thực hiện giám định.

2. Trường hợp vụ việc, vụ án hình sự thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng ở địa phương thì trung cầu tổ chức, người giám định tư pháp ở địa phương hoặc tổ chức, người giám định tư pháp thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trụ sở tại địa phương thực hiện giám định.

3. Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng ở địa phương chỉ trung cầu tổ chức, người giám định tư pháp ở trung ương thực hiện giám định trong trường hợp:

a) Vụ việc, vụ án hình sự có liên quan đến nhiều tỉnh, thành phố, tính chất phức tạp, vượt quá khả năng của tổ chức, người giám định tư pháp ở địa phương;

b) Trung cầu giám định lại vụ việc, vụ án hình sự mà tổ chức, người giám định tư pháp ở địa phương đã thực hiện và tổ chức giám định tư pháp ở địa phương không đủ điều kiện để thực hiện giám định lại;

c) Trong trường hợp tổ chức, người giám định tư pháp ở trung ương có văn bản đồng ý tiếp nhận và thực hiện giám định;

d) Trường hợp Cơ quan điều tra ở địa phương tiến hành các hoạt động điều tra theo ủy thác của Cơ quan điều tra cấp trung ương thì trung cầu tổ chức giám định tư pháp theo chỉ định của cơ quan ủy thác. Trong trường hợp này, Cơ quan điều tra cấp trung ương ủy thác phải có văn bản thông báo đề tổ chức giám định tư pháp ở trung ương được chỉ định có văn bản đồng ý tiếp nhận trung cầu giám định khi Cơ quan điều tra ở địa phương trung cầu theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 28 Luật Giám định tư pháp.

Điều 5. Trường hợp trung cầu giám định tư pháp

1. Cơ quan, người có thẩm quyền trung cầu giám định bắt buộc trung cầu giám định đối với các trường hợp quy định tại Điều 206 Bộ luật Tố tụng hình sự.

2. Việc trung cầu giám định bổ sung, trung cầu giám định lại hoặc trung cầu Hội đồng giám định được thực hiện theo quy định tại các điều 210, 211 và 212 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 32 và Điều 33 Luật Giám định tư pháp.

3. Việc trung cầu giám định theo yêu cầu của đương sự hoặc người đại diện của họ theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng hình sự.

4. Cơ quan, người có thẩm quyền trung cầu giám định căn cứ vào chứng cứ, tài liệu đã thu thập được, quy định của pháp luật về những vấn đề phải chứng minh trong vụ việc, vụ án hình sự và danh mục lĩnh vực chuyên môn, chuyên ngành giám định do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên môn lĩnh vực giám định tư pháp ban hành để quyết định trung cầu giám định; trường hợp cần thiết, có thể trao đổi với tổ chức, cá nhân dự kiến được trung cầu giám định hoặc cơ quan, tổ chức chuyên môn để có cơ sở quyết định việc trung cầu giám định.

5. Cơ quan, người có thẩm quyền trung cầu giám định không trung cầu nếu chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ việc, vụ án đã làm rõ những vấn đề phải chứng minh; trường hợp cần thêm thông tin chuyên môn để xem xét, đánh giá thì trao đổi trực tiếp, tổ chức họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của tổ chức, cá nhân có liên quan.

6. Trường hợp nội dung trung cầu giám định liên quan đến nhiều lĩnh vực, thuộc trách nhiệm của nhiều tổ chức thì thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 26 Luật Giám định tư pháp.

7. Trường hợp phát sinh vướng mắc trong việc trung cầu giám định thì thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 26 Luật Giám định tư pháp.

Điều 6. Chuẩn bị trung cầu giám định

1. Chuẩn bị đối tượng cần giám định và tài liệu liên quan, mẫu so sánh (nếu có)

a) Cơ quan, người có thẩm quyền trung cầu giám định căn cứ yêu cầu hoạt động tố tụng để xác định, lựa chọn đối tượng cần gửi trung cầu giám định. Tùy theo lĩnh vực giám định và mục đích của việc trung cầu giám định mà cơ quan, người có thẩm quyền trung cầu giám định phải chuẩn bị đủ đối tượng cần giám định, tài liệu có liên quan và mẫu so sánh (nếu có);

b) Trường hợp đối tượng cần giám định có số lượng mẫu nhiều, cơ quan, người có thẩm quyền trung cầu giám định có thể thu mẫu đại diện để trung cầu giám định theo quy định tại Điều 7 Thông tư liên tịch này;

c) Trường hợp đối tượng cần giám định không thể di chuyển được, việc trung cầu giám định có thể thực hiện theo quy định của Điều 8 Thông tư liên tịch này;

d) Đối tượng cần giám định và mẫu so sánh (nếu có) gửi giám định phải được mô tả đầy đủ các thông tin về đặc điểm vật chất, hình dáng, màu sắc, số lượng, ký hiệu, kích thước (nếu có) và được niêm phong đúng quy định, bảo toàn tình trạng niêm phong;

đ) Trường hợp trung cầu giám định đối với bị hại để xác định dấu vết thương tích, tổn hại sức khỏe hoặc nội dung chuyên môn khác liên quan mà không xác định được nơi cư trú của bị hại, người bị hại đã xuất cảnh hoặc không có điều kiện thực hiện giám định tại nơi cư trú, nơi điều trị thì có thể trung cầu giám định trên hồ sơ (nếu đủ điều kiện giám định trên hồ sơ theo quy định về quy trình giám định của Bộ Y tế).

2. Xác định tổ chức, cá nhân được trung cầu thực hiện giám định

a) Cơ quan, người có thẩm quyền trung cầu giám định căn cứ quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch này và yêu cầu, thời hạn tố tụng để lựa chọn tổ chức giám định tư pháp công lập, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc hoặc giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc có chuyên môn phù hợp để trung cầu giám định.

b) Người trung cầu giám định không lựa chọn tổ chức, cá nhân thuộc các trường hợp sau đây để trung cầu giám định: tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật Giám định tư pháp; Văn phòng giám định tư pháp đối với các chuyên ngành ADN, tài liệu, kỹ thuật số và điện tử, dấu vết đường vân, trừ trường hợp đặc biệt theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Luật Giám định tư pháp.

3. Xác định nội dung yêu cầu giám định và thời hạn giám định

a) Nội dung yêu cầu giám định nêu trong quyết định trung cầu giám định phải ngắn gọn, đầy đủ, chính xác, khoa học, đơn nghĩa và mang tính chuyên môn kỹ thuật; phù hợp với đối tượng giám định và từng lĩnh vực, chuyên ngành giám định; ngôn ngữ được sử dụng là ngôn ngữ phổ thông, thống nhất.

Trường hợp nội dung yêu cầu giám định gồm nhiều lĩnh vực chuyên môn, thuộc phạm vi giám định của nhiều tổ chức giám định tư pháp thì việc xác định nội dung yêu cầu giám định thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 26 Luật Giám định tư pháp.

b) Cơ quan, người có thẩm quyền trung cầu giám định căn cứ yêu cầu hoạt động tố tụng, quy định tại Điều 208 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 30 Luật Giám định tư pháp và quy định về thời hạn giám định tối đa của từng lĩnh vực, chuyên ngành giám định do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành để xác định thời hạn giám định trong quyết định trung cầu giám định.

4. Ra quyết định trung cầu giám định

a) Sau khi chuẩn bị đủ đối tượng cần giám định, tài liệu có liên quan và mẫu so sánh (nếu có), xác định tổ chức, cá nhân được trung cầu giám định, nội dung yêu cầu giám định và thời hạn giám định thì cơ quan, người có thẩm quyền trung cầu giám định ra quyết định trung cầu giám định;

b) Quyết định trung cầu giám định được thực hiện theo biểu mẫu do các cơ quan có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật;

c) Đối với việc giám định pháp y thương tích, pháp y tình dục, cơ quan, người có thẩm quyền trung cầu giám định phải ra quyết định trung cầu giám định ngay khi tiếp nhận vụ việc, vụ án hình sự nếu bảo đảm các thủ tục, điều kiện giám định.

5. Trường hợp cần thiết, cơ quan, người có thẩm quyền trung cầu giám định có thể trao đổi với tổ chức, cá nhân dự kiến được trung cầu giám định để thống nhất về đối tượng cần giám định, tài liệu có liên quan hoặc mẫu so sánh (nếu có) gửi giám định, nội dung trung cầu giám định và thời hạn thực hiện giám định.

Trường hợp trao đổi bằng văn bản, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan, người có thẩm quyền trung cầu giám định thì tổ chức, cá nhân dự kiến được trung cầu giám định phải có văn bản trả lời, phối hợp cung cấp thông tin chuyên môn cho cơ quan, người trung cầu giám định.

6. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định trung cầu giám định, cơ quan, người có thẩm quyền trung cầu phải giao hoặc gửi quyết định trung cầu giám định, hồ sơ, đối tượng cần giám định, tài liệu có liên quan hoặc mẫu so sánh (nếu có) cho tổ chức, cá nhân thực hiện giám định; gửi quyết định trung cầu giám định cho Viện kiểm sát có thẩm quyền thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết vụ việc, vụ án hình sự.

Điều 7. Trung cầu giám định mẫu đại diện

1. Trong trường hợp đối tượng giám định có số lượng mẫu nhiều, khối lượng lớn, kích thước lớn không thể hoặc không cần thiết phải đưa toàn bộ đi giám định; đối tượng cần giám định có tính đồng nhất hoặc được phân chia theo lô, mẻ, kiện, đợt sản xuất; đối tượng cần giám định dễ hư hỏng, biến chất hoặc khó bảo quản trong quá trình giám định hoặc đối tượng cần giám định có nguy cơ gây mất an toàn, ô nhiễm môi trường hoặc phát sinh chi phí lớn nếu giám định toàn bộ thì cơ quan, người có thẩm quyền trung cầu giám định có thể thu mẫu đại diện để trung cầu giám định.

2. Cơ quan, người có thẩm quyền trung cầu giám định quyết định việc thu mẫu đại diện sau khi đã trao đổi, thống nhất với tổ chức, người được trung cầu

giám định; trường hợp cần thiết, có thể tham khảo ý kiến, phối hợp với cơ quan, tổ chức chuyên môn có liên quan cùng thống nhất thu mẫu đại diện, trong đó bảo đảm các yêu cầu:

a) Mẫu được thu phải có tính đại diện cho toàn bộ vật chứng, đối tượng cần giám định;

b) Không làm thay đổi bản chất, giá trị chứng cứ của vật chứng, đối tượng cần giám định;

c) Phù hợp với nội dung trung cầu giám định và đặc điểm của vật chứng, đối tượng cần giám định;

d) Bảo đảm khách quan, công khai, có thể kiểm tra, đối chiếu;

đ) Bảo đảm số lượng, khối lượng tối thiểu để thực hiện giám định.

3. Trình tự thu mẫu đại diện:

a) Mở niêm phong vật chứng theo quyết định của người có thẩm quyền;

b) Tiến hành thu mẫu đại diện;

c) Lập biên bản thu mẫu đại diện phục vụ giám định, trong đó phải thể hiện rõ: vị trí thu; phương pháp thu và bảo quản mẫu đại diện; số lượng, khối lượng mẫu đại diện; tình trạng vật chứng trước và sau khi thu mẫu đại diện; trường hợp cần thiết có thể chụp ảnh, ghi hình quá trình thu mẫu đại diện;

d) Niêm phong đối tượng cần giám định, vật chứng còn lại theo quy định.

4. Bảo quản và sử dụng mẫu đại diện

a) Mẫu đại diện phải được niêm phong, bảo quản phù hợp với đặc tính của đối tượng cần giám định;

b) Mẫu đại diện chỉ được sử dụng trong phạm vi nội dung trung cầu giám định;

c) Trường hợp mẫu đại diện bị tiêu hao hoặc không thể hoàn trả sau giám định phải được ghi rõ trong biên bản và kết luận giám định.

5. Trách nhiệm trong việc thu mẫu đại diện:

a) Người trung cầu giám định chịu trách nhiệm về quyết định thu mẫu đại diện để trung cầu giám định; bảo đảm thu mẫu đại diện đúng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

b) Tổ chức, người giám định tư pháp chịu trách nhiệm về mẫu đại diện và kết luận giám định trên mẫu đại diện.

Điều 8. Trung cầu giám định trong trường hợp đối tượng giám định không thể di chuyển

1. Trường hợp đối tượng giám định là hiện trường, công trình, dây chuyền sản xuất, hệ thống kỹ thuật, hạ tầng số, nền tảng công nghệ hoặc đối tượng khác không thể di chuyển hoặc việc di chuyển có nguy cơ làm thay đổi hiện trạng, tính chất, đặc điểm thì việc giám định được thực hiện tại chỗ theo quyết định trung cầu giám định của cơ quan, người có thẩm quyền trung cầu giám định.

2. Cơ quan, người có thẩm quyền trưng cầu giám định phối hợp với tổ chức, người được trưng cầu thực hiện giám định để bảo đảm điều kiện tiếp cận đối tượng giám định, điều kiện kỹ thuật, an toàn và bảo vệ hiện trạng.

3. Trường hợp không thể thực hiện giám định trực tiếp, việc giám định có thể được thực hiện trên cơ sở hồ sơ, tài liệu, mẫu vật hoặc dữ liệu điện tử được thu thập hợp pháp, bảo đảm khả năng kiểm tra, đối chiếu.

Điều 9. Niêm phong, mở niêm phong đối tượng giám định

1. Niêm phong đối tượng giám định

a) Đối tượng giám định khi gửi giám định phải được niêm phong, bảo quản đúng tình trạng, đặc điểm, kích thước, khối lượng, trừ trường hợp theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

b) Trường hợp đối tượng giám định có khối lượng, kích thước lớn hoặc không thể di chuyển được thì niêm phong từng phần hoặc trên những bộ phận quan trọng của đối tượng giám định, là phần, vị trí của vật chứng có một trong các dấu hiệu sau đây: chứa đựng dấu vết liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội; có giá trị chứng minh chủ yếu để làm rõ nội dung vụ việc, vụ án; có khả năng bị tác động làm thay đổi, mất mát, sai lệch dấu vết, ảnh hưởng đến việc đánh giá chứng cứ.

Việc xác định và lựa chọn bộ phận quan trọng để niêm phong phải kiểm soát được khả năng xâm nhập, tác động trái phép đến đối tượng giám định và không làm ảnh hưởng đến giá trị chứng cứ của vật chứng.

Đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ hoặc vật chứng có cấu trúc phức tạp, việc niêm phong được thực hiện kết hợp tại các vị trí kiểm soát việc tiếp cận, sử dụng đối tượng giám định (như cửa, khoang chứa, hệ thống khóa, bộ phận điều khiển) và các vị trí có dấu vết liên quan đến hành vi phạm tội.

Việc niêm phong phải được lập biên bản mô tả đầy đủ hiện trạng, chụp ảnh hoặc ghi hình đối tượng giám định, trong đó thể hiện rõ vị trí, đặc điểm các bộ phận đã được niêm phong để phục vụ việc kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết.

Trường hợp không thể niêm phong đầy đủ theo quy định nêu trên thì phải áp dụng các biện pháp bảo quản bổ sung phù hợp nhằm bảo đảm giữ nguyên trạng đối tượng giám định.

c) Đối với vật chứng dạng rời, phân tán hoặc khó bảo quản (như khúc cây, dao, cát, đá hoặc vật chứng tương tự), việc niêm phong được thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế, bảo đảm giữ nguyên trạng và bảo toàn dấu vết của vật chứng. Trường hợp không có đủ phương tiện, thiết bị chuyên dụng để niêm phong toàn bộ vật chứng thì thực hiện niêm phong đối với phần, vị trí quan trọng theo quy định; đồng thời áp dụng các biện pháp bổ sung để kiểm soát, bảo vệ vật chứng; việc niêm phong có thể được thực hiện bằng các phương tiện sẵn có nhưng phải bảo đảm: có dấu hiệu nhận biết rõ ràng; phát hiện được việc bị mở, bị tác động trái phép; không làm ảnh hưởng, biến đổi dấu vết của vật chứng.

Trường hợp vật chứng có nguy cơ bị mất, phân tán, hư hỏng hoặc biến đổi dấu vết thì phải áp dụng một hoặc một số biện pháp bảo quản bổ sung như: thu

gom, phân loại, chứa đựng trong bao, thùng hoặc vật chứa phù hợp; khoanh vùng, đánh dấu, lập sơ đồ khu vực bảo quản đối với vật chứng không thể di chuyển; giao cho cơ quan, tổ chức có điều kiện bảo quản phù hợp để lưu giữ.

Trường hợp không thể niêm phong ngay do điều kiện khách quan thì cơ quan, người có thẩm quyền trung cầu giám định phải kịp thời thiết lập biện pháp kiểm soát, bảo vệ hiện trạng, đồng thời hoàn thiện việc niêm phong trong thời gian sớm nhất có thể.

d) Cơ quan, người có thẩm quyền trung cầu giám định căn cứ tình trạng, đặc điểm của đối tượng giám định để quyết định việc niêm phong hay không niêm phong đối tượng giám định gửi giám định.

Trường hợp không niêm phong đối tượng giám định gửi giám định, cơ quan, người có thẩm quyền trung cầu giám định phải nêu rõ lý do trong biên bản thu đối tượng giám định gửi giám định.

2. Mở niêm phong đối tượng giám định

a) Việc mở niêm phong đối tượng giám định được thực hiện tại cơ quan, đơn vị, tổ chức tiếp nhận hồ sơ trung cầu giám định hoặc nơi thực hiện giám định, có đại diện bên giao là cơ quan, người có thẩm quyền trung cầu giám định và bên nhận là tổ chức, cá nhân được trung cầu giám định; khi mở niêm phong phải tiến hành chụp ảnh (có thể ghi hình) để ghi nhận tình trạng niêm phong, đối tượng giám định trước và sau khi mở niêm phong, tiến hành lập biên bản mở niêm phong, giao nhận đối tượng giám định.

b) Trường hợp tiếp nhận qua đường văn thư, đường bưu chính thì cá nhân hoặc đại diện cơ quan, đơn vị, tổ chức tiếp nhận trung cầu giám định khi mở niêm phong phải chụp ảnh (có thể ghi hình) để ghi nhận tình trạng niêm phong, đối tượng giám định trước và sau khi mở niêm phong, tiến hành lập biên bản mở niêm phong, giao nhận đối tượng giám định.

Điều 10. Giao, nhận hồ sơ trung cầu giám định

1. Hồ sơ trung cầu giám định và đối tượng cần giám định, tài liệu có liên quan hoặc mẫu so sánh (nếu có) được gửi cho tổ chức, cá nhân được trung cầu thực hiện giám định theo đường văn thư, đường bưu chính hoặc phương thức điện tử hoặc giao nhận trực tiếp. Việc giao nhận hồ sơ trung cầu giám định tư pháp thực hiện theo quy định tại Điều 29 Luật Giám định tư pháp và quy định của pháp luật khác có liên quan;

2. Trường hợp giao, nhận hồ sơ giám định theo phương thức điện tử

a) Cơ quan, người có thẩm quyền trung cầu giám định lập quyết định trung cầu giám định điện tử sử dụng chữ ký số và gửi cho tổ chức, cá nhân được trung cầu thực hiện giám định qua phần mềm chuyên dụng. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định của văn bản quy định chi tiết thi hành khoản 5 Điều 131, khoản 3 Điều 132 và Điều 141 Bộ luật Tố tụng hình sự;

b) Hồ sơ, tài liệu kèm theo quyết định trung cầu giám định được gửi dưới dạng dữ liệu điện tử, trừ trường hợp không thể số hóa theo đặc thù của tài liệu;

c) Đối tượng giám định được giao, nhận trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính theo quy định của pháp luật; việc gửi, nhận đối tượng giám định phải gắn với hồ sơ vụ việc, vụ án điện tử và được quản lý bằng định danh điện tử của đối tượng giám định;

d) Việc giao, nhận đối tượng giám định, tài liệu có liên quan hoặc mẫu so sánh (nếu có) phải được ghi nhận bằng phương thức điện tử, bảo đảm xác định được thời điểm giao, nhận, tình trạng niêm phong và chủ thể thực hiện;

đ) Trường hợp đối tượng giám định bị tiêu hao, hư hỏng hoặc không thể hoàn trả, nội dung này phải được thể hiện trong hồ sơ điện tử, biên bản và kết luận giám định.

3. Việc tiếp nhận trung cầu giám định và phân công thực hiện giám định thực hiện theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 28 Luật Giám định tư pháp.

Điều 11. Giao, nhận kết luận giám định và đối tượng giám định sau giám định

1. Kết luận giám định được giao cho cơ quan, người có thẩm quyền trung cầu giám định theo đường bưu chính, phương thức điện tử hoặc giao trực tiếp cho đại diện cơ quan, người có thẩm quyền trung cầu giám định.

2. Đối tượng giám định sau giám định (nếu có) được bảo quản, bàn giao cho cơ quan, người có thẩm quyền trung cầu giám định để xử lý theo quy định của pháp luật. Cơ quan, người có thẩm quyền trung cầu giám định có trách nhiệm nhận lại đối tượng giám định sau giám định (nếu có) sau khi nhận được kết luận giám định; trường hợp đối tượng sau giám định (nếu có) được bàn giao cho đại diện cơ quan có thẩm quyền trung cầu giám định cùng kết luận giám định thì phải niêm phong và lập biên bản theo quy định của pháp luật.

3. Việc giao, nhận kết luận giám định và đối tượng giám định sau giám định (nếu có) phải lập biên bản theo quy định của pháp luật.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ YÊU CẦU GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

Điều 12. Quyền yêu cầu giám định tư pháp

1. Người có quyền yêu cầu giám định

a) Nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hình sự;

b) Người đại diện của những người được quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Phạm vi quyền yêu cầu giám định trong giải quyết vụ việc, vụ án hình sự

a) Quyền yêu cầu giám định chỉ phát sinh sau khi người có quyền yêu cầu giám định đã đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền trung cầu giám định thực hiện trung cầu giám định nhưng bị từ chối bằng văn bản hoặc hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền tiến hành tổ tụng nhận được văn bản đề nghị nhưng không ra quyết định trung cầu giám định;

b) Nội dung yêu cầu giám định chỉ được giới hạn trong những vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền yêu cầu giám định; không yêu cầu giám định những vấn đề liên quan đến việc xác định trách nhiệm hình sự của người bị buộc tội;

c) Người yêu cầu giám định chỉ lựa chọn tổ chức giám định tư pháp công lập, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc có chuyên môn phù hợp để yêu cầu giám định trong giải quyết vụ việc, vụ án hình sự.

Điều 13. Trình tự, thủ tục yêu cầu giám định tư pháp

1. Chuẩn bị hồ sơ yêu cầu giám định tư pháp

a) Người yêu cầu giám định phải lập văn bản yêu cầu giám định, chuẩn bị các tài liệu, giấy tờ có liên quan và bản sao giấy tờ chứng minh mình là người yêu cầu giám định tư pháp theo quy định tại Điều 12 Thông tư liên tịch này;

b) Văn bản yêu cầu giám định tư pháp được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Luật Giám định tư pháp.

2. Gửi hồ sơ yêu cầu giám định tư pháp

a) Hồ sơ yêu cầu giám định tư pháp được gửi cho tổ chức, cá nhân được yêu cầu thực hiện giám định bằng đường bưu chính hoặc người yêu cầu giám định (hoặc đại diện của họ) trực tiếp giao cho tổ chức, cá nhân được yêu cầu thực hiện giám định;

b) Trường hợp hồ sơ yêu cầu giám định tư pháp gửi bằng đường bưu chính thì phải thực hiện theo hình thức gửi dịch vụ có số hiệu;

c) Trường hợp hồ sơ yêu cầu giám định tư pháp gửi trực tiếp thì người yêu cầu giám định hoặc đại diện của họ phải cùng đại diện tổ chức giám định tư pháp kiểm tra, xem xét khi giao nhận. Nếu đồng ý tiếp nhận thì đại diện tổ chức giám định tư pháp phải lập biên bản giao, nhận hồ sơ yêu cầu giám định, tài liệu có liên quan, mẫu so sánh (nếu có) và thu chi phí giám định tư pháp.

Chương IV

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ, SỬ DỤNG KẾT LUẬN GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

Điều 14. Đánh giá kết luận giám định tư pháp

Việc đánh giá kết luận giám định tư pháp được thực hiện trên các phương diện sau đây:

1. Đánh giá tính hợp pháp

a) Thẩm quyền trung cầu giám định, quyền yêu cầu giám định hoặc căn cứ chấp nhận yêu cầu giám định;

b) Tiêu chuẩn, điều kiện của tổ chức, người giám định tư pháp theo quy định của Luật Giám định tư pháp;

c) Trình tự, thủ tục trung cầu, yêu cầu và thực hiện giám định; thời hạn thực hiện giám định;

d) Việc thu thập, bảo quản, niêm phong, giao, nhận và quản lý đối tượng giám định theo quy định của pháp luật.

2. Đánh giá tính chính xác, khách quan

a) Cơ sở khoa học, phương pháp khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ, quy trình giám định, quy chuẩn chuyên môn được áp dụng.

Đối với lĩnh vực giám định chưa có quy trình giám định, quy chuẩn chuyên môn thì đánh giá dựa trên phương pháp giám định tối ưu và có giải trình hợp lý;

b) Điều kiện tiến hành giám định và các yếu tố có thể ảnh hưởng đến kết quả giám định;

c) Sự phù hợp, thống nhất giữa kết quả phân tích, kiểm tra, thực nghiệm với nội dung nhận xét và kết luận giám định.

Trường hợp kết luận giám định thiếu căn cứ khoa học, không rõ ràng, mâu thuẫn hoặc không thể kiểm chứng, thì không được sử dụng làm căn cứ giải quyết vụ việc, vụ án hình sự.

3. Đánh giá tính liên quan, toàn diện

a) Kết luận giám định phải được xem xét, đánh giá trong mối liên hệ với toàn bộ chứng cứ, tài liệu khác đã được thu thập hợp pháp trong quá trình giải quyết vụ việc, vụ án hình sự, bao gồm lời khai, vật chứng, dữ liệu điện tử, biên bản tố tụng và các tài liệu khác có liên quan;

b) Không được tách rời kết luận giám định khỏi hệ thống chứng cứ; trường hợp kết luận giám định có mâu thuẫn với các chứng cứ khác thì phải làm rõ nguyên nhân mâu thuẫn theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Điều 15. Sử dụng kết luận giám định tư pháp

1. Kết luận giám định là một trong các căn cứ để cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng xem xét, ra các quyết định tố tụng theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm thông báo nội dung kết luận giám định cho bị can, bị cáo, bị hại, đương sự, những người có quyền yêu cầu giám định quy định tại Điều 12 Thông tư liên tịch này và người tham gia tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp cần làm sáng tỏ nội dung kết luận giám định, cơ quan, người có thẩm quyền trưng cầu giám định, người yêu cầu giám định yêu cầu tổ chức, cá nhân đã thực hiện giám định giải thích kết luận giám định.

Trường hợp người tham gia tố tụng có ý kiến, yêu cầu có căn cứ đối với kết luận giám định, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thể yêu cầu tổ chức, cá nhân đã thực hiện giám định giải thích kết luận giám định hoặc xem xét việc trưng cầu giám định bổ sung hoặc giám định lại theo quy định của pháp luật.

Kết luận giám định được trình bày hoặc công bố tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Điều 16. Xử lý khi có mâu thuẫn trong kết luận giám định tư pháp

1. Mâu thuẫn giữa kết luận giám định và các chứng cứ khác

Trường hợp kết luận giám định có mâu thuẫn với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được trong quá trình giải quyết vụ việc, vụ án hình sự thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng không được loại trừ các chứng cứ khác để sử dụng kết luận giám định hoặc ngược lại.

Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải thực hiện các hoạt động tố tụng cần thiết như đối chất, thực nghiệm điều tra, thu thập bổ sung chứng cứ hoặc trưng cầu giám định bổ sung, giám định lại để làm rõ nguyên nhân mâu thuẫn theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp các kết luận giám định khác nhau về cùng một nội dung, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng xem xét, đánh giá và quyết định việc sử dụng kết luận giám định trên cơ sở các tiêu chí quy định tại khoản 4 Điều 35 Luật Giám định tư pháp và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Trường hợp mâu thuẫn không thể được làm rõ, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng quyết định trưng cầu giám định lại, giám định Hội đồng theo quy định của pháp luật.

Việc lựa chọn và sử dụng kết luận giám định trong trường hợp có nhiều kết luận giám định phải bảo đảm tuân thủ nguyên tắc đánh giá chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Điều 17. Giá trị của kết luận giám định tư pháp trong trường hợp yêu cầu giám định tư pháp

1. Kết luận giám định của tổ chức, người giám định tư pháp ban hành trong trường hợp yêu cầu giám định theo quy định tại Thông tư liên tịch này được xác định là một nguồn chứng cứ, nếu việc yêu cầu giám định và thực hiện giám định tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

2. Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm xem xét, đánh giá và sử dụng kết luận giám định quy định tại khoản 1 Điều này theo các quy định tại Điều 14 và Điều 15 Thông tư liên tịch này.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN TIẾN HÀNH TỐ TỤNG, TỔ CHỨC, NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 18. Trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng

1. Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm thực hiện việc trưng cầu giám định và đánh giá, sử dụng kết luận giám định đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Giám định tư pháp, Thông tư liên tịch này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Khi trưng cầu giám định, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm:

a) Xác định rõ đối tượng, nội dung, phạm vi trung cầu giám định, phù hợp với từng lĩnh vực, chuyên ngành giám định và yêu cầu giải quyết vụ việc, vụ án hình sự;

b) Bảo đảm việc thu thập, bảo quản, niêm phong, giao, nhận đối tượng giám định đúng quy định của pháp luật;

c) Phối hợp với tổ chức, người giám định tư pháp trong việc bổ sung đối tượng giám định, các tài liệu liên quan, xác định điều kiện cần thiết khác, phương thức giám định, thời hạn giám định bảo đảm tính khả thi và hiệu quả;

d) Nhận lại đối tượng giám định sau giám định (nếu có) sau khi tổ chức, người giám định tư pháp ban hành kết luận giám định;

đ) Thông báo ngay bằng văn bản cho tổ chức, người giám định tư pháp biết việc đình chỉ giải quyết vụ việc, vụ án để dừng việc thực hiện giám định.

3. Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm thông báo, công bố kết luận giám định theo quy định của pháp luật, bảo đảm quyền của người tham gia tố tụng được biết, trình bày ý kiến, yêu cầu giải thích, giám định bổ sung hoặc giám định lại khi có căn cứ theo quy định của pháp luật.

4. Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đánh giá, lựa chọn và sử dụng kết luận giám định trong quá trình giải quyết vụ việc, vụ án hình sự.

5. Hằng năm, tổng hợp và thông báo bằng văn bản cho tổ chức giám định tư pháp kết quả đánh giá, sử dụng kết luận giám định.

Điều 19. Trách nhiệm của tổ chức, người giám định tư pháp

1. Thực hiện giám định đúng lĩnh vực chuyên môn, chuyên ngành giám định, phương pháp khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ, quy trình giám định, quy chuẩn chuyên môn, bảo đảm khách quan, trung thực, chính xác.

Trường hợp loại việc giám định mới chưa có quy trình giám định, quy chuẩn chuyên môn thì lựa chọn phương pháp giám định tối ưu và có giải trình hợp lý.

2. Thực hiện giám định khi đủ điều kiện pháp lý, chuyên môn theo quy định của Luật Giám định tư pháp và các văn bản khác có liên quan.

3. Bảo quản và bảo đảm sự an toàn của đối tượng giám định, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Giữ bí mật thông tin liên quan đến vụ việc, vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

5. Phối hợp với cơ quan, người trung cầu, yêu cầu giám định và cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong việc làm rõ nội dung chuyên môn, giải thích kết luận giám định khi được yêu cầu.

6. Thực hiện các nghĩa vụ, trách nhiệm khác theo quy định của Luật Giám định tư pháp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 20. Trách nhiệm thực hành quyền công tố, kiểm sát của Viện kiểm sát trong trung cầu, yêu cầu và sử dụng kết luận giám định tư pháp

Viện kiểm sát thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động trung cầu, yêu cầu giám định và đánh giá, sử dụng kết luận giám định trong giải quyết vụ việc, vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Xử lý vi phạm trong trung cầu, yêu cầu giám định và đánh giá, sử dụng kết luận giám định tư pháp

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định về trung cầu giám định, yêu cầu giám định, đánh giá và sử dụng kết luận giám định thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan quản lý người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm xem xét, xác minh vi phạm trong hoạt động trung cầu, đánh giá, sử dụng kết luận giám định để xử lý trách nhiệm công vụ, xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức, người giám định tư pháp có hành vi vi phạm quy định của pháp luật trong hoạt động giám định tư pháp thì bị xử lý theo quy định của Luật Giám định tư pháp, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, pháp luật hình sự và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2026.

2. Những quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác trái với quy định tại Thông tư liên tịch này thì thực hiện theo quy định của Thông tư liên tịch này. Các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Thông tư liên tịch này khi được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì những nội dung dẫn chiếu trong Thông tư liên tịch này sẽ được thay đổi, áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Điều 23. Tổ chức thực hiện

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư liên tịch này; cử đầu mối tiếp nhận, trao đổi thông tin về công tác giám định tư pháp trong tố tụng hình sự và thông báo bằng văn bản đến các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng để phối hợp thực hiện.

2. Hằng năm, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và cơ quan có liên quan xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong trung cầu, yêu cầu giám định và đánh giá, sử dụng kết luận giám định tại cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng ở trung ương và địa phương; Bộ Tư pháp chủ trì, phối

hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và cơ quan có liên quan xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra việc tiếp nhận, thực hiện giám định của các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức khác ở cấp trung ương và ở địa phương.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh những vấn đề cần phải sửa đổi, bổ sung, đề nghị kịp thời phản ánh về cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tham mưu thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao để tập hợp, tham mưu, báo cáo lãnh đạo liên ngành hướng dẫn hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TƯ PHÁP
THỦ TRƯỞNG**



Mai Lương Khôi

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ QUỐC PHÒNG
THỦ TRƯỞNG**



Thượng tướng Nguyễn Văn Gấu

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ CÔNG AN
THỦ TRƯỞNG**



Thượng tướng Nguyễn Văn Long

**KT. VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



Hồ Đức Anh

**KT. CHÁNH ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ CHÁNH ÁN**



Nguyễn Văn Tiến

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công an;
- Bộ Quốc phòng;
- Bộ Tư pháp;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Công báo;
- Lưu VT: BCA, BQP, BTP, VKSNDTC, TANDTC.

